TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **469**/2021/QĐST-HNGĐ	*Đống Đa, ngày 08 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 452/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Anh Phạm Lê Hồng S, sinh năm 1978; Hộ khẩu thường trú và cư trú: Số 40 ngõ 35 N, phường V, quận Đ, Thành phố H;

Chị Phạm Vân T, sinh năm 1979; Hộ khẩu thường trú và cư trú: Số 9 P, phường P, quận H, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Lê Hồng S và chị Phạm Vân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận Đ, Thành phố H ngày 08/11/2005. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại số 40 ngõ 35 N, phường V, quận Đ, Thành phố H. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, cuộc sống chung không có hạnh phúc.

Anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Phạm Lê Hồng S và chị Phạm Vân T có 01 con chung là cháu Phạm Hồ N (nam), sinh ngày 18/12/2008. Ly hôn anh chị thỏa thuận, chị T

là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm H (nam), sinh ngày 18/12/2008. Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung, anh S không có ý kiến gì.

[3] Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Anh S và chị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về vay nợ chung: Anh S và chị T không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí: Anh S và chị T thống nhất để chị T chịu cả tiền lệ phí ly hôn.

Ngoài các yêu cầu trên, anh S và chị T không yêu cầu Toà án giải quyết bất cứ yêu cầu nào khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Lê Hồng S và chị Phạm Vân T.

- Về con chung: Anh Phạm Lê Hồng S và chị Phạm Vân T xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Hồ N (nam), sinh ngày 18/12/2008. Ly hôn, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hồ N (nam), sinh ngày 18/12/2008. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Phạm Lê Hồng S cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh S được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Anh S và chị T xác nhận anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- Về nợ: Anh S và chị T xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh S và chị T về việc chị T tự nguyện nộp cả 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0068790 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Đào Vĩnh Tường